

Bản án số: 50/2025/DS-ST;

Ngày: 05/6/2025;

V/v: "Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Văn Nhớ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2024/TLST-DS ngày 27/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 25/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71b/2025/QĐST-DS ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P; Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, số A T, phường T, thành phố T, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Dương Thị Thảo N (Có mặt)

- *Bị đơn:* ông Lê Ngọc T1, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng TMCP P (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Ngọc T1 đã thỏa thuận ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 26/4/2023 sau đây gọi chung là "Hợp đồng" với Ngân hàng để vay vốn, chi tiết như sau: Số tiền vay/hạn mức cấp thẻ: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) Mục đích vay mua hàng trực tuyến, thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng, Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 33%/năm Lãi suất quá hạn: 150% của lãi suất trong hạn. Sau khi ký kết Hợp đồng,

Ngân hàng đã cấp hạn mức và thực hiện giải ngân số tiền vay nêu trên. Đến ngày 20/11/2024. Ông Lê Ngọc T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay ông Lê Ngọc T1 vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Tổng nợ thẻ của ông Lê Ngọc T1 tại Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tạm tính đến ngày 05/06/2025 là 137.187.098 đồng (trong đó, nợ gốc 99.986.080 đồng; nợ lãi 36.011.518 đồng; nợ phí: 1.189.500 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP P đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Ngọc T1 trả ngay cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ của Hợp đồng tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 137.187.098 đồng (trong đó, nợ gốc 99.986.080 đồng; nợ lãi 36.011.518 đồng; nợ phí: 1.189.500 đồng).

Tại phiên toà Ngân hàng xin rút yêu cầu đối với khoản nợ phí 1.189.500 đồng.

Buộc ông Lê Ngọc T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 06/06/2025 cho đến khi ông Lê Ngọc T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

*\* Ông Lê Ngọc T1 không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của BLTTDS. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P; Đình chỉ yêu cầu đối với khoản nợ phí 1.189.500 đồng; Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng Hội đồng xét xử nhận định:*

**Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Lê Ngọc T1 trả số tiền nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 BLTTDS và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: tại thời điểm ký kết hợp đồng, bị đơn ông Lê Ngọc T1 có địa chỉ thường trú tại tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng và ông T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định và tại phiên tòa ngày hôm nay, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Ngọc T1.

**Về nội dung:**

[4] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 26/4/2023. HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 26/4/2023, giữa ông Lê Ngọc T1 và Ngân hàng TMCP P có ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là số tiền 100.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về việc tính nợ phí số tiền 1.189.500 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nói trên của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Lê Ngọc T1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/06/2025 là 135.997.598 đồng (trong đó, nợ gốc 99.986.080 đồng; nợ lãi 36.011.518 đồng). Ông Lê Ngọc T1 còn phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 06/06/2025 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: Từ ngày được cấp hạn mức tín dụng ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và để nợ quá hạn nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Lê Ngọc T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy, ông T1 đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với ông T1 là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $5\% \times 135.997.598 \text{ đồng} = 6.799.879 \text{ đồng}$  theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 157, 158, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 4 Điều 13, Điều 15, 16 và 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;
- Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P, buộc ông Lê Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền là 135.997.598 đồng trong đó, nợ gốc 99.986.080 đồng; nợ lãi 36.011.518 đồng (tiền lãi tính đến ngày 05/6/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính phí phạt chậm trả: 1.189.500 đồng của Ngân hàng TMCP P đối với ông Lê Ngọc T1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.799.879 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 2.735.540 đồng theo biên lai thu số 0009421 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu Hồ sơ vụ án.

**Phùng Văn Nhớ**